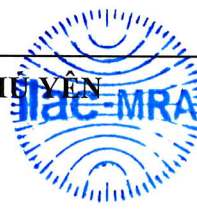




CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC PHÚ YÊN
PHÒNG KẾ HOẠCH - KỸ THUẬT

05 Hải Dương, TP Tuy Hoà, Phú Yên.
Tel 0257-3823000 Fax 0257-3828388



VILAS 748

Số: 405 - 2023/KQ

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Ngày: 20/11/2023
Trang: 1/1

- Nơi gửi mẫu/ lấy mẫu : Bể chứa NMN Sơn Hoà
- Loại mẫu : Nước sau khi xử lý
- Mô tả mẫu : Mẫu hóa lý được đựng trong chai nhựa, mẫu vi sinh được đựng trong chai thủy tinh
- Ký hiệu mẫu : 39B07/23
- Ngày nhận mẫu/lấy mẫu : 10/11/2023
- Thời gian thử nghiệm : 7 ngày
- Kết quả thử nghiệm :

Stt	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	QCVN01-1:2018/BYT	Kết quả
1	Mùi, vị	-	SMEWW2150:2023 SMEWW2160:2023	Không có mùi, không vị lạ	Không có mùi, không vị lạ
2	pH (*)	-	TCVN6492:2011	6 - 8,5	7,16
3	Độ đục (*)	NTU	TCVN12402-1:2020	2	0,25
4	Hàm lượng Sắt tổng (*)	mg/l	TCVN6177:1996	0,3	KPH (LOQ = 0,05)
5	Hàm lượng Clorua (*)	mg/l	TCVN6194:1996	250	14,15
6	Độ cứng tổng (*)	mg/l	TCVN6224:1996	300	40,95
7	Hàm lượng Nitrit (*)	mg/l	TCVN6178:1996	0,05	KPH (LOQ = 0,005)
8	Màu sắc (*)	mg/l Pt	TCVN6185:2015	15	<LOQ = 4,923
9	Tổng chất rắn hòa tan (TDS)(*)	mg/l	SMEWW-2540C:2023	1000	75
10	Hàm lượng Nitrat (*)	mg/l	TCVN6180:1996	2	0,37
11	Hàm lượng Sunfat (*)	mg/l	EPA 375.4	250	6,80
12	Hàm lượng Mangan (*)	mg/l	TCVN6002:1995	0,1	KPH (LOQ = 0,042)
13	Chỉ số Permanganat (*)	mg/l	TCVN6186:1996	2	0,90
14	Hàm lượng Amoni (*)	mg/l	TCVN6179-1:1996	0,3	KPH (LOQ = 0,007)
15	Clo Tổng số (*)	mg/l	TCVN 6225-3:2011	0,2 - 1	0,59
16	Coliform (*)	CFU/100ml	TCVN6187-1:2019	< 3	KPH
17	E.Coli (*)	CFU/100ml	TCVN6187-1:2019	< 1	KPH

PHÓ TÔNG GIÁM ĐỐC

PHÒNG KẾ HOẠCH - KỸ THUẬT

BỘ PHẬN KIỂM NGHIỆM

M.S.D.N: 44001159
CÔNG TY
CỔ PHẦN
CẤP THOÁT NƯỚC
PHÚ YÊN
TP. TUY HOÀ - T. PHÚ YÊN

Nguyễn Tôn Thuận

Nguyễn Văn Phong

Võ Bá Duy Huân

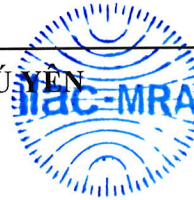
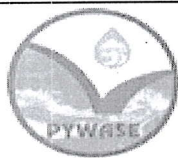
Ghi chú:

- (*) Các chỉ tiêu được VILAS công nhận
- LOQ: Giới hạn định lượng, KPH: Không phát hiện
- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử

BM.KHKT.02.02

Ban hành lần 05

Ngày ban hành: 31/12/2021



VILAS 740

Số: 406 - 2023/KQ

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Ngày: 20/11/2023

Trang: 1/1

- Nơi gửi mẫu/ lấy mẫu : Nhà làm việc NMN Sơn Hòa
- Loại mẫu : Nước sau khi xử lý
- Mô tả mẫu : Mẫu hóa lý được đựng trong chai nhựa, mẫu vi sinh được đựng trong chai thủy tinh
- Ký hiệu mẫu : 40M₁07/23
- Ngày nhận mẫu/lấy mẫu : 10/11/2023
- Thời gian thử nghiệm : 7 ngày
- Kết quả thử nghiệm :

Stt	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	QCVN01-1:2018/BYT	Kết quả
1	Mùi, vị	-	SMEWW2150:2023 SMEWW2160:2023	Không có mùi, không vị lạ	Không có mùi, không vị lạ
2	pH (*)	-	TCVN6492:2011	6 - 8,5	7,17
3	Độ đục (*)	NTU	TCVN12402-1:2020	2	0,61
4	Hàm lượng Sắt tổng (*)	mg/l	TCVN6177:1996	0,3	KPH (LOQ = 0,05)
5	Hàm lượng Clorua (*)	mg/l	TCVN6194:1996	250	15,16
6	Độ cứng tổng (*)	mg/l	TCVN6224:1996	300	42,95
7	Hàm lượng Nitrit (*)	mg/l	TCVN6178:1996	0,05	KPH (LOQ = 0,005)
8	Màu sắc (*)	mg/l Pt	TCVN6185:2015	15	5,20
9	Tổng chất rắn hòa tan (TDS)(*)	mg/l	SMEWW-2540C:2023	1000	84
10	Hàm lượng Nitrat (*)	mg/l	TCVN6180:1996	2	0,30
11	Hàm lượng Sunfat (*)	mg/l	EPA 375.4	250	6,80
12	Hàm lượng Mangan (*)	mg/l	TCVN6002:1995	0,1	KPH (LOQ = 0,042)
13	Chỉ số Permanganat (*)	mg/l	TCVN6186:1996	2	0,96
14	Hàm lượng Amoni (*)	mg/l	TCVN6179-1:1996	0,3	0,03
15	Clo Tổng số (*)	mg/l	TCVN 6225-3:2011	0,2 - 1	0,40
16	Coliform (*)	CFU/100ml	TCVN6187-1:2019	< 3	KPH
17	E.Coli (*)	CFU/100ml	TCVN6187-1:2019	< 1	KPH

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

PHÒNG KẾ HOẠCH - KỸ THUẬT

BỘ PHẬN KIỂM NGHIỆM



[Signature]

Nguyễn Tấn Thuận

[Signature]

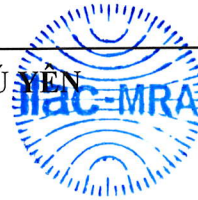
Nguyễn Văn Phong

[Signature]

Võ Bá Duy Huân

Ghi chú:

- (*) Các chỉ tiêu được VILAS công nhận
- LOQ: Giới hạn định lượng, KPH: Không phát hiện
- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử



VILAS 748

Số: 407 - 2023/KQ

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Ngày: 20/11/2023

Trang: 1/1

- Nơi gửi mẫu/ lấy mẫu : Cuối tuyến Tịnh Sơn - NMN Sơn Hòa
- Loại mẫu : Nước sau khi xử lý
- Mô tả mẫu : Mẫu hóa lý được đựng trong chai nhựa, mẫu vi sinh được đựng trong chai thủy tinh
- Ký hiệu mẫu : 41M₂07/23
- Ngày nhận mẫu/lấy mẫu : 10/11/2023
- Thời gian thử nghiệm : 7 ngày
- Kết quả thử nghiệm :

Stt	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	QCVN01-1:2018/BYT	Kết quả
1	Mùi, vị	-	SMEWW2150:2023 SMEWW2160:2023	Không có mùi, không vị lạ	Không có mùi, không vị lạ
2	pH (*)	-	TCVN6492:2011	6 - 8,5	7,11
3	Độ đục (*)	NTU	TCVN12402-1:2020	2	0,53
4	Hàm lượng Sắt tổng (*)	mg/l	TCVN6177:1996	0,3	KPH (LOQ = 0,05)
5	Hàm lượng Clorua (*)	mg/l	TCVN6194:1996	250	14,82
6	Độ cứng tổng (*)	mg/l	TCVN6224:1996	300	42,95
7	Hàm lượng Nitrit (*)	mg/l	TCVN6178:1996	0,05	KPH (LOQ = 0,005)
8	Màu sắc (*)	mg/l Pt	TCVN6185:2015	15	<LOQ = 4,923
9	Tổng chất rắn hòa tan (TDS)(*)	mg/l	SMEWW-2540C:2023	1000	80
10	Hàm lượng Nitrat (*)	mg/l	TCVN6180:1996	2	0,34
11	Hàm lượng Sunfat (*)	mg/l	EPA 375.4	250	7,00
12	Hàm lượng Mangan (*)	mg/l	TCVN6002:1995	0,1	KPH (LOQ = 0,042)
13	Chỉ số Permanganat (*)	mg/l	TCVN6186:1996	2	0,90
14	Hàm lượng Amoni (*)	mg/l	TCVN6179-1:1996	0,3	KPH (LOQ = 0,007)
15	Clo Tổng số (*)	mg/l	TCVN 6225-3:2011	0,2 - 1	0,27
16	Coliform (*)	CFU/100ml	TCVN6187-1:2019	< 3	KPH
17	E.Coli (*)	CFU/100ml	TCVN6187-1:2019	< 1	KPH



PHÒNG KẾ HOẠCH - KỸ THUẬT **BỘ PHẬN KIỂM NGHIỆM**

Nguyễn Văn Phong

Võ Bá Duy Huân

Ghi chú: *Nguyễn Tấn Thuận*

- (*) Các chỉ tiêu được VILAS công nhận
- LOQ: Giới hạn định lượng, KPH: Không phát hiện
- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử

BM.KHKT.02.02

Ban hành lần 05

Ngày ban hành: 31/12/2021